

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUẦN GIÁO  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ -ST

Ngày: 08/5/2018.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Việt Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lương Thị Nhung và bà Bạc Thị Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2018/TLST-HN&GD ngày 27 tháng 02 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lò Thị T**; sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Bản C, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên, (Có mặt).

2. Bị đơn: **Anh Lò Văn P**; sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Bản B, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại: Đội 00, Phân trại số 00, Trại giam T; địa chỉ: xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ, (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện xin hôn ly, tranh chấp về nuôi con ngày 23/02/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lò Thị T trình bày: Chị Lò Thị T, anh Lò Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện; đăng ký kết hôn ngày 26/5/2010 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Thời gian đầu chị T, anh P chung sống hòa thuận đầm ấm, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P nghiện chất ma túy, thường xuyên đánh chị T. Đến năm 2017 anh P phạm tội phải cải tạo tại Trại giam Tân Lập. Trước khi anh P bị bắt, do bị anh P đánh đập nhiều nên chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ

sinh sống từ năm 2015 cho đến nay. Từ năm 2015 chị T, anh P sống ly thân, kể từ khi sống ly thân hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, không liên lạc gì với nhau. Đến nay chị T không còn tình cảm với anh P và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P. Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Tại biên bản ghi lời khai của bị đơn, anh Lò Văn P khai: Anh Lò Văn P và chị Lò Thị T kết hôn ngày 26/5/2010, kết hôn tự nguyện, không ai ép buộc. Đến tháng 7/2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T bỏ nhà sang Trung Quốc, đến tết năm 2016 mới về, sau khi về hai vợ chồng anh chị vẫn chung sống bình thường, thỉnh thoảng xảy ra mâu thuẫn; đến ngày 05/01/2017 anh P bị bắt về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam T. Nay chị T có đơn ly hôn anh P không biết lý do chị T xin ly hôn, anh P không đồng ý ly hôn đề nghị được hòa giải đoàn tụ vì anh P vẫn còn thương chị T.

**Về con chung:** Chị Lò Thị T và anh Lò Văn P thống nhất khai có 02 người con chung; cháu Lò Hoàng T, sinh ngày 30/01/2011 và cháu Lò Hoàng D sinh ngày 08/4/2013. Khi ly hôn chị Lò Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T, cháu D cho đến 18 tuổi và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Khi ly hôn anh Lò Văn P đồng ý để chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng hai con trong thời gian anh P đang chấp hành án phạt tù, khi chấp hành án xong anh P đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết việc nuôi con cho anh.

**Về tài sản chung:** Chị Lò Thị T và anh Lò Văn P khai thống nhất có 01 ngôi nhà sàn 03 gian làm trên diện tích đất 100 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại bản B, xã C, huyện, tỉnh Điện Biên, giá trị khoảng 30.000.000đ và 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha đăng ký xe mang tên Lò Văn P, giá trị 15.000.000đ. Về tài sản chung chị T và anh P đều thống nhất, không có tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về nợ chung:** Chị Lò Thị T và anh Lò Văn P khai thống nhất không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thấy rằng. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án, đảm bảo việc giải quyết vụ án kịp thời, đúng pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo không có yêu cầu, kiến nghị và kháng nghị gì. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về sự vắng mặt của đương sự:** Tại biên bản ghi lời khai bị đơn anh Lò Văn P đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh P tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt anh P tại phiên tòa.

**[2] Về thẩm quyền giải quyết:** Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc xin ly hôn giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn P.

**[3] Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lò Thị T và anh Lò Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/5/2010 của UBND xã C xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn P là hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chị Lò Thị T trình bày do anh Lò Văn P nghiện chất ma túy; anh Lò Văn P trình bày vào tháng 7/2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T bỏ nhà sang Trung Quốc, nhưng anh P vẫn còn thương chị T. Chị Lò Thị T yêu cầu ly hôn, anh Lò Văn P đề nghị hòa giải đoàn tụ.

Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của chị T về tình trạng hôn nhân là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa; tại biên bản ghi lời khai, anh P khai vợ chồng anh chị vẫn chung sống bình thường, thỉnh thoảng xảy ra mâu thuẫn là không có cơ sở; bởi thực tế anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Hội đồng xét xử nhận định, trong thời gian sống ly thân anh chị không còn quan tâm đến nhau, chị T không còn tình cảm vợ chồng với anh P; vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Điều đó thể hiện tình trạng hôn nhân của chị T, anh P đã trầm trọng, không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt được.

Sau khi thụ lý Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, vì anh Lò Văn P đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam T. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh P đã trở nên trầm trọng, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Chị Lò Thị T anh Lò Văn P đã sống ly thân một thời gian dài, không ai quan tâm tới ai; căn cứ tình trạng hôn nhân, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị T.

**[4] Về con chung:** Tại biên bản ghi lời khai anh Lò Văn P đồng ý, sau khi ly hôn để chị Lò Thị T trực tiếp nuôi hai con trong thời gian anh đang chấp hành án; chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và không yêu cầu anh Lò Văn P cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu nuôi con của chị T, phù hợp với yêu cầu của anh Lò Văn P và nguyện vọng của các con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

**[5] Về quan hệ tài sản và nợ chung:**

Về tài sản chung: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn P thống nhất khai không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn P khai thống nhất không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[6] Án phí:** Chị Lò Thị T là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế

xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Lò Thị T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng:

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 69, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình
- Các Điều 28, 35, 39, 147, 207, khoản 1 Điều 228, Điều 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lò Thị T được ly hôn anh Lò Văn P.

**2. Về con chung:**

Chị Lò Thị T có nghĩa vụ, quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Lò Hoàng T, sinh ngày 30/01/2011 và cháu Lò Hoàng D sinh ngày 08/4/2013. Chị T không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Lò Thị T có quyền yêu cầu anh Lò Văn P cấp dưỡng nuôi con và yêu cầu anh P cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; anh Lò Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Chị Lò Thị T và anh Lò Văn P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

**3. Về án phí:** Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị T.

**4. Quyền kháng cáo:**

Chị Lò Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/5/2018).

Anh Lò Văn P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Đội 00, Phân trại số 00, Trại giam T; địa chỉ: xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- UBND xã Chiềng Sinh;
- Đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(đã ký)**

**Nguyễn Việt Hương**

- Lru.

